

CHỌN LỌC MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI NHẤT

1. Hợp đồng mua bán vật liệu là gì?

Mẫu hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng là mẫu bản hợp đồng được lập ra để ghi nhận sự thỏa thuận mua bán giữa 2 bên về việc mua bán vật liệu xây dựng thương phẩm. Mẫu nêu rõ nội dung ký kết, thời gian thực hiện hợp đồng, quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên...

Hợp đồng mua bán sắt thép có thể coi là một loại hợp đồng nhỏ trong hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng nên cũng tương tự như hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Hợp đồng mua bán sắt thép sẽ có hiệu lực giữa cá nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức để ghi nhận sự thỏa thuận mua bán giữa 2 bên. Theo đó, bên bán sẽ chuyển nhượng một số sắt thép theo như yêu cầu của bên mua và bên mua có trách nhiệm chuyển tiền cho bên bán.

2. Những lưu ý khi giao kết hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng

Xét trên thực tế, về cơ bản pháp luật dân sự tôn trọng quyền tự do ngôn luận giữa các bên trong hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp không có thỏa thuận, các bên phải tuân theo quy định của pháp luật. Dưới đây là một số điều trong Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 (BLDS 2015) mà chúng ta cần lưu ý:

Chất lượng sản phẩm đảm bảo

Theo PLF, đối với các giao dịch có đưa ra điều kiện về chất lượng hàng hóa thì đã phần chưa đúng với quy định của pháp luật nên tiềm ẩn nhiều rủi ro tranh chấp.

Nguyên nhân chủ yếu là do các bên còn khá chủ quan, chưa đối chiếu từng sản phẩm cụ thể với các quy định pháp luật chuyên ngành. Lời khuyên tốt nhất là trong hợp đồng nên được tạo phần phụ lục riêng ở mục tiêu chuẩn chất lượng. Ở đó những đặc điểm như tên, cấu tạo, số hiệu, định lượng, thành phần,... của sản phẩm sẽ được nêu rõ.

Có quyền hủy bỏ hợp đồng khi vi phạm giao hàng

Trong tất cả các trường hợp sau: bên bán giao hàng nhiều lần, giao hàng thừa số lượng, giao hàng thiếu số lượng, giao hàng không đồng bộ thì bên mua hoàn toàn có quyền hủy hợp đồng.

Ngoài ra, trường hợp bên bán giao hàng không đúng chủng loại bên mua không chỉ có quyền hủy hợp đồng mà còn có quyền yêu cầu bồi thường. Trong trường hợp hàng hóa có nhiều chủng loại nhưng bên bán giao không đúng thỏa thuận chỉ một số loại thì bên mua được phép hủy hợp đồng liên quan đến hàng hóa đó.

Chi phí vận chuyển và chi phí liên quan

Các bên cần nêu rõ trong hợp đồng thời điểm chuyển giao chi phí giữa các bên trong quá trình giao hàng. Ví dụ như khi giao hàng cho công ty vận chuyển đầu tiên hoặc khi giao hàng hóa cho bên mua.

Trong trường hợp không được quy định trong hợp đồng, các bên buộc phải chấp nhận rủi ro về việc xác định chi phí đã được công bố của cơ quan nhà nước hoặc theo tiêu chuẩn ngành nghề hay tiêu chuẩn riêng phù hợp với mục đích giao kết hợp đồng.

3. Mẫu hợp đồng mua bán vật liệu tham khảo

www.eLib.vn

Mẫu 1:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG THƯƠNG PHẨM

(Số: ... / HĐMB –)

Căn cứ: Bộ luật dân sự 2015

Hôm nay, ngày ... / ... / ... tại, chúng tôi gồm:

BÊN A: Ông (Bên bán).....

CMND số: cấp tại ngày cấp / /

Địa chỉ thường trú:

Mã số thuế:

Số điện thoại liên lạc:

BÊN B: Ông (Bên mua).....

CMND số: Cấp tại ngày cấp / /

Địa chỉ thường trú:

Mã số thuế:

Số điện thoại liên lạc:

Cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng số ngày tháng ... năm để mua bán bê tông thương phẩm.

ĐIỀU 1. Nội dung của hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng: Bê tông thương phẩm theo mác, chỉ tiêu kỹ thuật và các dịch vụ khác

Địa điểm giao: Nhà xưởng số

ĐIỀU 2. Thời hạn thực hiện hợp đồng

Hợp đồng được thực hiện từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... kể từ ngày ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 3: Thực hiện hợp đồng

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua các loại bê tông thương phẩm sau:

STT	Bê tông thương phẩm	Đơn vị	Giá tiền (đồng)	Hình dạng
1	Mác 100 đá (1×2)	m ³	700.000	15x15x15

2	Mác 100 đá (1×2)	m ³	710.000	15x15x15
3	Mác100 đá (1×2)	m ³	750.000	15x15x15
4	Mác 100 đá (1×2)	m ³	800.000	15x15x15
Bơm từ tầng 4 trở lên lũy tiến 300.000 đồng /sàn (cos 0 được tính là sàn tầng 1)				

- Giá trị hợp đồng được tính dựa theo khối lượng bê tông theo yêu cầu thực tế công trình. Giá trị cuối cùng của hợp đồng hay giá trị hàng hóa mua bán được xác định chính thức dựa trên khối lượng bê tông được 2 bên ký xác nhận trong các biên bản xác nhận khối lượng và các biên bản xác nhận khối lượng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
- Đơn giá sẽ được tính tại thời điểm ký kết hợp đồng.
- Vật liệu: Xi măng Bút Sơn, cát vàng Sông Lô.

ĐIỀU 4: Hình thức thanh toán

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A 100 % giá trị tiền hàng sau khi nhận hàng của từng đợt đổ.

Nếu quá hạn thanh toán 05 ngày của từng đợt đổ mà Bên A vẫn chưa nhận được tiền thanh toán của Bên B thì Bên A có quyền đơn phương ngừng cung cấp bê tông.

ĐIỀU 5: Quyền và nghĩa vụ của các bên

Bên A:

Đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật trong dịch vụ cung cấp bê tông.

Chấp hành nghiêm nội quy công trường của Bên B.

Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động đối với nhân viên của đơn vị mình trong suốt quá trình thi công.

Bên B:

Đặt hàng trước 24 giờ. Thời gian đổ bê tông sẽ được xác định tối thiểu trước 4 giờ.

Lắp đặt các thiết bị phục vụ đảm bảo trật tự an toàn vệ sinh môi trường trước cổng công trường trong và sau khi đổ bê tông.

Chuẩn bị mặt bằng, đường đi lại trong công trường đảm bảo cho xe chuyên chở bê tông hoạt động tốt.

Thanh toán cho Bên A theo đúng thỏa thuận đã quy định.

ĐIỀU 6: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng chấm dứt sau khi các bên đã thực hiện xong đầy đủ nội dung của hợp đồng.

ĐIỀU 7: Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra tranh chấp 2 bên phải thông báo cho nhau để tìm cách giải quyết. Trường hợp 2 bên không thỏa thuận được sẽ do Tòa án giải quyết.

Điều 8: Phạt vi phạm

Trường hợp Bên A giao không đúng số lượng/chất lượng của hàng hóa sẽ phải chịu mức phạt 8 % tổng giá trị hợp đồng.

Trường hợp Bên B chậm thanh toán tiền cho Bên A sẽ phải bồi thường cho Bên A 8 % tổng giá trị hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Mẫu 2:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay vào lúc 9h00 ngày tháng năm, tại

chúng tôi gồm:

BÊN BÁN HÀNG:

Địa chỉ :

MST :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng : Chi Nhánh.....

Đại diện : Ông/Bà.....

Chức vụ :

Sau đây gọi tắt là “Bên A”**BÊN MUA HÀNG:**

Địa chỉ :

MST :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng : Chi Nhánh.....

Đại diện : Ông/Bà.....

Chức vụ :

Sau đây gọi tắt là “Bên B”

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất thỏa thuận và đồng ý ký Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán cho Bên B vật liệu xây dựng với thông tin chi tiết như sau:

1.1 Sản Phẩm Và Giá cả

STT	Tên sản phẩm	Chi tiết sản phẩm	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền (VND)
1					
3					
2					

Mức giá trên đã/chưa bao gồm mức thuế VAT và chi phí vận chuyển tới công trình.

1.2 Quy Cách

Bên A có trách nhiệm đảm bảo sản phẩm được đóng gói, bảo quản, vận chuyển đúng quy cách để không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Trường hợp Bên A làm hư hỏng sản phẩm phải có trách nhiệm bồi thường cho Bên B.

1.3 Chất Lượng Sản Phẩm

Bên A sản xuất, đóng gói và cung cấp Sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng, chức năng và thời hạn sử dụng như đã tự công bố hoặc theo yêu cầu của Bên B.

Bên B có quyền kiểm tra chất lượng sản phẩm của Bên A ngay tại thời điểm giao nhận.

ĐIỀU 2: GIÁ HÀNG HÓA VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1 Giá cả hàng hóa nêu trên chỉ áp dụng cho Hợp đồng này, giá trị Hợp đồng sẽ được cố định trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

2.2 Tổng giá trị của Hợp đồng đã/chưa bao gồm tất cả cả loại thuế, chi phí đóng gói, vận chuyển Hàng hóa tới địa điểm theo yêu cầu của Bên B.

2.3 Tổng giá trị Hợp đồng: [.....] đồng

(Bằng chữ:[.....])

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

3.1 Phương thức thanh toán

Đợt 1: Bên B sẽ đặt cọc cho Bên A [.] phần trăm ([.]%) tổng giá trị Hợp đồng tương đương [.] đồng (Bằng chữ: [.] đồng) trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hai Bên ký Hợp đồng này. Khoản tiền đặt cọc dùng để bảo đảm thực hiện Hợp đồng và có thể tự động khấu trừ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Bên B sau khi hai Bên ký Biên bản Nghiệm thu.

Đợt 2: Bên B thanh toán cho Bên A [.] phần trăm ([.]%) giá trị Hợp đồng trong vòng [.] ([.]) ngày sau khi Bên B nhận đủ số lượng Sản phẩm, Biên biên Giao hàng và hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ. Trong trường hợp Bên B trả lại Hàng hóa theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A dựa trên số lượng Hàng hóa nhận thực tế.

3.2 Hình Thức Thanh Toán:

Bên B có thể thanh toán bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua tài khoản ngân hàng của Bên A

Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản do Bên B chỉ định dưới đây:

Tên hưởng thụ:

Tên ngân hàng:..... Chi Nhánh

Số tài khoản (VND):

- Chi phí chuyển khoản do Bên B chịu.

3.3 Chậm thanh toán

Trong trường hợp Bên B không thực hiện thanh toán cho Bên A đúng hạn theo quy định của Hợp đồng này, ngoài việc phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đó, Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A một khoản lãi chậm trả với mức lãi suất chậm trả %/ngày trên số tiền chậm trả cho thời gian tính từ ngày nghĩa vụ thanh toán đến hạn đến ngày bên có nghĩa vụ thực tế thực hiện việc thanh toán.

ĐIỀU 4: GIAO HÀNG

4.1 Địa Điểm Giao Hàng

Trừ khi có thông báo khác từ Bên B, địa điểm giao hàng theo Hợp đồng này là [...]

4.2 Thời Gian Giao Hàng

4.2.1 Bên A phải giao hàng vào giờ làm việc của Bên B, nghĩa là thứ Hai đến thứ Sáu từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều; và sáng thứ Bảy, từ 8 giờ sáng đến 12 giờ trưa.

4.2.2 Hàng hóa sẽ được giao từng phần với thời gian như sau:

Ngày Giao hàng Đợt 1: vào ngày [...] với số lượng [...] Hàng hóa

Ngày Giao hàng Đợt 2: vào ngày [...] với số lượng [...] Hàng hóa

4.3 Các Bên đồng ý rằng nếu Bên B giao hàng với số lượng dư, Bên A có thể nhận hoặc từ chối nhận số lượng Hàng hóa dư.

4.4 Nếu đến [Ngày Giao Hàng Đợt 1] hoặc [Ngày Giao Hàng Đợt 2] mà Bên A giao hàng thiếu, Bên A phải trả cho Bên B số tiền phạt tương đương [...] % giá trị số lượng hàng giao thiếu cho mỗi ngày chậm giao; và

4.4.1 Bên A có trách nhiệm cung cấp số lượng hàng bổ sung trong vòng [...] ngày kể từ [Ngày Giao Hàng Đợt 1] hoặc [Ngày Giao Hàng Đợt 2] tương ứng; hoặc

4.4.2 Bên B có quyền từ chối nhận hàng bổ sung.

4.5 Trường hợp Bên A giao hàng mà Bên B không nhận hoặc mà không vì lý do chất lượng sản phẩm thì Bên B phải có trách nhiệm bồi thường các chi phí liên quan đến việc không nhận hàng của Bên B như chi phí vận chuyển, tháo dỡ, nhân công và hao hụt tài sản.

ĐIỀU 5: NHẬN HÀNG VÀ TRẢ HÀNG

5.1 Việc giao nhận hàng giữa hai Bên sẽ được xác nhận thông qua Biên bản Giao hàng.

5.2 Vào thời điểm nhận hàng, Bên B có quyền từ chối nhận các Hàng hóa khiếm khuyết có thể nhìn thấy và xác định rõ bằng mắt thường. Theo đó, Bên A có trách nhiệm đổi hàng thay thế trong vòng [...] ngày kể từ [Ngày Giao Hàng Đợt 1] [Ngày Giao Hàng Đợt 2] tương ứng.

5.3 Nếu sau trong vòng [...] kể từ [Ngày Giao Hàng Đợt 2] mà Bên B phát hiện có những Hàng hóa có khiếm khuyết tiềm ẩn, Bên B có quyền trả lại hàng và Bên A có trách nhiệm đến Địa điểm Giao hàng của Bên B để nhận lại nếu xác thực có lỗi về chất lượng sản phẩm và đồng thời cung cấp hàng thay thế trong vòng [...] ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Bên A.

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

6.1 Trách Nhiệm Bên A.

6.1.1 Chịu trách nhiệm về chất lượng và thời hạn sử dụng của các Sản phẩm đã bán cho Bên B. Bên A cam kết và đảm bảo rằng thời hạn sử dụng tối thiểu của Sản phẩm là kể từ ngày sản xuất.

6.1.2 Chịu mọi chi phí vận chuyển và bốc dỡ hàng, hàng đổi/trả đến nơi nhận hàng của Bên B.

6.1.3 Trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này không do lỗi của Bên B, Bên A phải hoàn trả lại khoản tiền đặt cọc.

6.1.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

6.2 Trách Nhiệm Bên B:

6.2.1 Thanh toán giá trị Hợp đồng đúng thỏa thuận. Bên B sẽ chịu mức lãi suất nợ quá hạn [.]%/năm nếu chậm thanh toán so với thỏa thuận.

6.2.2 Bố trí kho bãi, nhân lực, phương tiện để tiếp nhận hàng Bên A giao.

6.2.3 Bảo quản và sử dụng Sản phẩm của Bên A theo đúng quy định và hướng dẫn của Bên A.

6.2.4 Trong trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng này không do lỗi của Bên A, Bên B sẽ bị mất khoản tiền đặt cọc.

6.2.5 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

7.1 Bất kỳ vi phạm các quyền và nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp đồng này sẽ đều được coi là vi phạm Hợp đồng với điều kiện là bên bị vi phạm đã có thông báo mà bên vi phạm vẫn không tiến hành khắc phục toàn bộ vi phạm trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

7.2 Nếu một trong hai bên vi phạm Hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho bên kia, thì bên vi phạm ngoài việc phải bồi thường toàn bộ các khoản thiệt hại và tổn thất trực tiếp

phát sinh do vi phạm đó gây ra cho bên bị vi phạm và bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không phải tiến hành bồi thường cho bên kia hay chịu bất kỳ chế tài nào theo quy định của Hợp đồng này.

7.3 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên Vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm Hợp đồng và/hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm Hợp đồng kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ Bồi thường thiệt hại cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (8%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

7.4 Hợp đồng này chấm dứt khi:

7.4.1 Hai Bên đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

7.4.2 Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

7.4.3 Các trường hợp khác quy theo quy định tại Hợp đồng này.

7.5 Khi hai bên đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng thì Hợp đồng sẽ được xem như đã được thanh lý mà không cần lập một văn bản thanh lý riêng.

7.6 Việc chấm dứt Hợp đồng này không ảnh hưởng đến quyền và các biện pháp khắc phục của các bên có được hay phát sinh trước khi Hợp đồng chấm dứt.

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

8.1 Bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này bao gồm nhưng không hạn chế các vấn đề liên quan đến hình thức, thực hiện hợp đồng, vi phạm, hiệu lực hay bất kỳ nội dung của hợp đồng này sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng đàm phán giữa các bên trên tinh thần thiện chí, trung thực. Trong trường hợp, một bên không muốn hoặc các bên không thể giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp thương lượng, hoà giải trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, Các Bên đồng ý đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền.

8.2 Hợp đồng này và bất kì tranh chấp, khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến đối tượng hoặc hình thức (bao gồm cả các tranh chấp và/hoặc khiếu nại ngoài hợp đồng) sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

8.3 Trong thời gian có mâu thuẫn hoặc có tranh chấp đang được giải quyết thì các Bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, ngoại trừ vấn đề đang bị tranh chấp.

ĐIỀU 9. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Không bên nào phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ nội dung nào của hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó gây ra bởi các sự kiện cháy nổ, bão lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi bên và Bên vi phạm và/hoặc chậm trễ không có lỗi (sau đây gọi là các “Sự Kiện Bất Khả Kháng”). Bên chịu ảnh hưởng bởi các Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ thông báo cho bên kia bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Sự Kiện Bất Khả Kháng bắt đầu tác động lên việc thực hiện

hợp đồng của Bên bị ảnh hưởng. Trong trường hợp việc thực hiện hợp đồng của một bên bị chậm trễ quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bên không bị ảnh hưởng nhận được thông báo theo quy định này, bên không bị ảnh hưởng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với bên kia. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên kia về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1 Trong quá trình thực hiện, tất cả phụ lục, sửa đổi nào đối với Hợp đồng này các Bên phải lập thành văn bản và nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế chỉ có hiệu lực khi được đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký.

10.2 Ngoài các thỏa thuận trên những vấn đề phát sinh mà chưa được đề cập trong Hợp đồng này sẽ được giải quyết dựa trên quy định của pháp luật có liên quan.

10.3 Nếu bất kỳ nội dung nào trong Hợp đồng này vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thực hiện được, nội dung đó sẽ được xem là đương nhiên sửa đổi trong giới hạn thấp nhất có thể để trở nên có hiệu lực, đúng pháp luật và có thể thực hiện được. Trong trường hợp những thay đổi đó không thể thực hiện được, các nội dung đó được xem như huỷ bỏ. Việc một hoặc một số nội dung trong Hợp đồng bị sửa đổi hoặc huỷ bỏ không làm ảnh hưởng đến hiệu lực và việc thực hiện của các nội dung khác của Hợp đồng.

10.4 Hợp đồng này sẽ có hiệu lực sau khi đại diện hợp pháp hoặc đại diện ủy quyền của Các Bên ký kết vào Hợp đồng.

10.5 Hợp đồng này sẽ tự động hết hiệu lực ngay sau khi các Bên hoàn thành xong các nghĩa vụ trong Hợp đồng.

10.6 Tất cả các văn bản, thông báo có liên quan đến Hợp đồng này đều được lập bằng tiếng Việt.

10.7 Hợp đồng này được lập thành (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ (01) bản làm cơ sở để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)